

Số: 02/2021/QĐHG- HNGĐ

Na Hang, ngày 22 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ vào Điều 59 Luật hôn nhân gia đình ;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 01 tháng 11 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án “*Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn*” giữa:

Người khởi kiện: Ông **Phùng Văn T**, sinh năm 1976.

Người bị kiện: Bà **Triệu Thị L**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ T, xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án,

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án. Các bên đương sự có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

Đã hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành và các tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

Người khởi kiện: Ông **Phùng Văn T**, sinh năm 1976.

Người bị kiện: Bà **Triệu Thị L**, sinh năm 1977.

Có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phùng Văn Th, sinh năm 1997, chị Phùng Thị G, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ T, xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

Ông Phùng Văn T và bà Triệu Thị L cùng thống nhất chia tài sản chung như sau:

2.1. Anh Phùng Văn Th (là con chung của ông T và bà L) được quyền sở hữu, sử dụng đối với các tài sản sau:

2.1.1. 01 nhà cấp IV 03 gian, mái lợp tôn xộp, diện tích: $9\text{m} \times 7,5\text{m} = 67,5\text{m}^2$; Nhà được xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐTTg 7- 2021 tại thôn Đ T, xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (Trị giá nhà là 100.000.000đ).

2.1.2. 01 Công trình vệ sinh (Gồm Nhà tắm và Nhà vệ sinh) diện tích: $5,2\text{ m} \times 3,2\text{m} = 16,64\text{m}^2$; Công trình vệ sinh được xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐTTg 7 - 2021 tại thôn Đ T, xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (Trị giá công trình vệ sinh là 22.000.000đ).

2.1.3. Sân lát xi măng cát trước cửa nhà, diện tích: $9\text{ m} \times 6\text{m} = 54\text{m}^2$; Sân lát xi măng cát được làm trên đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐTTg 7 - 2021 tại thôn Đ T, xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (Trị giá sân lát xi măng cát là 7.000.000đ).

2.1.4. 01 Chuồng lợn xây, mái lợp prô xi măng, diện tích: $7\text{ m} \times 4,9\text{m} = 34,3\text{m}^2$; Chuồng lợn được xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐTTg 7 - 2021 tại thôn Đ T, xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (Trị giá chuồng lợn là 10.000.000đ)

2.1.5. Được quyền sử dụng diện tích 5.767m^2 đất rừng sản xuất tại thôn Đ T, xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hộ ông Phùng Văn T và bà Triệu Thị L (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 292460, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00071). Ông T, bà L, chị G và anh Th có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc thay đổi chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Chị Phùng Thị G (là con chung của ông T và bà L) được quyền sở hữu đối với các tài sản sau:

2.2.1. 01 nhà bếp cấp IV 02 gian mái lợp Pờ lô xi măng, diện tích: $9,5\text{ m} \times 4,7\text{m} = 4,65\text{m}^2$; Bếp được xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐTTg 7 - 2021 tại thôn Đ T, xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (Trị giá bếp là 100.000.000đ);

2.2.2. Ông T phải trả cho chị Phùng Thị G 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng) [43.000.000đ là trị giá 02 con trâu các đương sự đã thống nhất (02 con trâu đều màu đen, 04 tuổi). Trước khi ly hôn ông Phùng Văn T quản lý 02 con trâu. Trước khi Hoà giải viên tiến hành hoà giải, ông T đã bán để lấy tiền mua bò và chuyển sang nuôi bò].

" Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền

trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Ông Phùng Văn T được quyền sở hữu:

2.3.1. 01 con trâu đực màu đen 03 tuổi (Trị giá con trâu 40.000.000đ; Ông T đang quản lý con trâu).

2.3.2. 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 22B1- 42536, đăng ký mang tên Triệu Thị L (Trị giá xe mô tô 10.000.000đ; Ông T đang quản lý xe). Ông T, bà L có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký sang tên chủ sở hữu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- TAND tỉnh;
- Hòa giải viên;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Anh Thành

